

## MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHẾ ĐỘ HỌC PHÍ, MỨC VÀ KHUNG HỌC PHÍ ĐỂ PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ HIỆN NAY

Phạm Văn Ngọc<sup>(\*)</sup>

Ngày 31/3/1998, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Qua 5 năm thực hiện, một số nội dung của Quyết định không còn phù hợp với tình hình thực tế, cần thiết phải có sửa đổi, bổ sung. *Được biết hiện Bộ Giáo dục và Đào tạo đang chủ trì việc dự thảo văn bản lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân để trình Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg.*

Về vấn đề này, qua công tác thực tế ở một đơn vị đào tạo đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, Tôi có đóng góp một số ý kiến như sau:

### I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 70/1998/QĐ-TTg NGÀY 31/03/1998 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC THU VÀ SỬ DỤNG HỌC PHÍ Ở CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÔNG LẬP THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

Ngày 31/03/1998, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg "Về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân". Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cùng với Bộ Tài chính ban hành

các Thông tư liên tịch để hướng dẫn thực hiện Quyết định số 70/QĐ-TTg (như Thông tư Liên tịch số 54/1998/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 1998; số 66/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 1998; số 38/2001/TTLT/BGD&ĐT-BTC ngày 22/8/2001).

### 1. Những điểm tích cực của Quyết định số 70/QĐ-TTg

1.1. Quyết định số 70/QĐ-TTg được ban hành đã bước đầu tạo lập được hành lang pháp lý để tăng cường quản lý thu, chi học phí ở các trường công lập. Nhiều cơ sở đào tạo, do thực hiện tổ chức thu và quản lý sử dụng tốt nguồn thu này đã tạo ra một nguồn lực tài chính đáng kể đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo bên cạnh nguồn đầu tư của ngân sách Nhà nước. Thông qua việc thu học phí làm cho nhân dân hiểu và có trách nhiệm đóng góp đối với việc học tập của con em mình cũng như cùng Nhà nước chăm lo sự nghiệp giáo dục, góp phần làm cho các cơ sở giáo dục và đào tạo cải thiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tăng thêm thu nhập cho cán bộ làm công tác giáo dục và đào tạo.

1.2. Việc thực hiện chính sách chế độ đối với người học: Quyết định số 70/QĐ-TTg đã thể hiện tương đối đầy đủ các chính sách ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước đối với người học thuộc diện chính sách, người nghèo. Việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí

<sup>(\*)</sup> Th.S., Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

cho các đối tượng trên đã thực sự góp phần phát triển giáo dục, từng bước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo, ngày càng động viên, khuyến khích các đối tượng chính sách và người nghèo học tập ở bậc cao hơn.

1.3. Về mức, khung học phí: Quyết định số 70/QĐ-TTg quy định theo ba vùng về cơ bản phù hợp với thu nhập và mức sống của nhân dân các địa phương, nên hầu hết các địa phương, các cơ sở đào tạo đã thực hiện ổn định từ năm 1998 đến nay.

## 2. Những hạn chế của Quyết định số 70/QĐ-TTg

### 2.1. Về đối tượng thu học phí:

- Quyết định số 70/QĐ-TTg mới chỉ quy định thu học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân mà chưa quy định đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập (bán công, dân lập, tư thực) chưa quy định cụ thể đối với phương thức đào tạo không chính quy trong các cơ sở đào tạo công lập.

- Quyết định số 70/QĐ-TTg chưa thể hiện đầy đủ chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài hoặc đầu tư 100% vốn nước ngoài, các loại hình đào tạo này trong những năm qua đã hình thành và phát triển ở một số Thành phố như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... đang đòi hỏi phải được đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước.

2.2. Về đối tượng miễn, giảm học phí: Quyết định số 70/QĐ-TTg được ban hành trước khi có Luật Giáo dục, do đó tên gọi về các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí cũng cần phải được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Luật Giáo dục, cũng

như trong thực tiễn đã có sự thay đổi để thống nhất thực hiện.

2.3. Về tổ chức thu, quản lý và sử dụng quỹ học phí.

Quyết định số 70/QĐ-TTg quy định dành không dưới 45% tổng số học phí thu được để tăng cường cơ sở vật chất cho giảng dạy và học tập, không dưới 40% hỗ trợ cho hoạt động trực tiếp giảng dạy và phục vụ giảng dạy, 15% hỗ trợ công tác quản lý và điều tiết chung. Quy định cứng như trên sẽ gây ra sự lãng phí không hiệu quả và trong giai đoạn hiện nay là không phù hợp, do các trường có nguồn thu học phí thực hiện theo Nghị định số 10/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu, theo tinh thần chung của Nghị định là tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục và đào tạo thì việc quy định cứng như trên là không cần thiết. Nhất là các đơn vị đào tạo hiện nay đang thực hiện Nghị định số 03/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế tiền lương đã dành tối thiểu 40% học phí hệ chính quy để thu xếp thực hiện tăng lương và bổ sung lương.

2.4. Về mức và khung học phí. Cần phải có sự thay đổi, vì trong điều kiện kinh tế xã hội hiện nay thu nhập và mức sống dân cư ở nhiều vùng đã tăng lên đáng kể. Mặt khác, trong điều kiện nền kinh tế của nước ta đang trong quá trình hội nhập và phát triển, Nước ta đang cần có một đội ngũ cán bộ quản lý được đào tạo có trình độ chuyên môn cao, các kỹ sư lành nghề và đội ngũ lao động có kỹ thuật để nắm bắt, tiếp nhận trình độ tiên tiến trên thế giới. Do đó, cần phải có nguồn kinh phí để đào tạo, nguồn kinh phí này phải được huy

động; tổng lực từ sự đóng góp của người học, từ ngân sách Nhà nước và của các tổ chức: trong và ngoài nước có sử dụng lao động của các đơn vị đào tạo.

22.5. Quyết định số 70/QĐ-TTg chưa quy định mức và khung học phí đối với hệ thống trường chuyên ở bậc phổ thông trung học, trong khi đó chính sách chế độ cũng như điều kiện học tập đối với cán bộ, học sinh trường chuyên khác xa so với hệ đào tạo bậc trung học phổ thông bình thường.

## II- KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI

### 1. Về khái niệm học phí và phân biệt học phí công lập, ngoài công lập

-- Đề nghị phân định rõ khái niệm học phí đối với từng đối tượng công lập, ngoài công lập, không gộp chung các khái niệm này..

-- Điểm 1 Điều 92 Luật Giáo dục quy định: "Học phí là khoản đóng góp của gia đình người học hoặc người học để góp phần bảo đảm cho các hoạt động giáo dục";

-- *Quyết định 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/03/1998 của Thủ tướng Chính phủ quy định "Học phí là khoản đóng góp của gia đình hoặc bản thân học sinh, sinh viên để cùng với Nhà nước bảo đảm các hoạt động giáo dục & đào tạo".*

-- Điểm 1 Điều 17 Pháp lệnh phí, lệ phí (số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) quy định "Phí thu từ các dịch vụ do Nhà nước đầu tư là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước..."

-- Mục VIII Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Pháp lệnh phí, lệ phí quy định "Học phí" là một loại phí;

- Nghị định 10/2002/NĐ-CP ngày 16/01/2002 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu và các văn bản hướng dẫn quy định: học phí ở các trường công lập là nguồn thu sự nghiệp...

Vì vậy, tôi đề xuất quy định rõ về học phí, trong đó có học phí công lập, ngoài công lập như sau:

*Học phí là khoản đóng góp của gia đình người học hoặc người học để góp phần đảm bảo cho các hoạt động giáo dục.*

*Đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập, học phí là khoản thu thuộc ngân sách Nhà nước, được để lại để bổ sung kinh phí cho hoạt động của các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập ngoài phần ngân sách nhà nước cấp.*

*Đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo ngoài công lập, học phí là một trong các khoản thu để bảo đảm chi phí cho mọi hoạt động của đơn vị.*

### 2. Về đối tượng miễn học phí

Quyết định 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/03/1998 của Thủ tướng Chính phủ quy định các đối tượng miễn học phí bao gồm:

- Học sinh, sinh viên được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 28/NĐ-CP ngày 29/04/1995 của Chính phủ;

- Học sinh đang học bậc tiểu học;

- Học sinh, sinh viên có cha mẹ thường trú tại vùng cao miền núi và vùng sâu, hải đảo;

- ...

2.1. Để bao quát hết các đối tượng được miễn học phí đã quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, con thương binh và gia đình liệt sĩ và bản thân các thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng, Nghị định số 28/CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động..., đề nghị quy định việc miễn học phí cho các đối tượng:

*Học sinh, sinh viên được hưởng chính sách ưu đãi về miễn học phí theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng và các văn bản hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh.*

2.2. Thực tế việc miễn học phí cho các đối tượng (1) học sinh trong các vùng, các xã đặc biệt khó khăn; (2) học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn đã được quy định tại các văn bản:

- Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg ngày 30/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc định hướng dài hạn, kế hoạch 5 năm 2001-2005 và những giải pháp cơ bản phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nguyên.

- Quyết định số 173/2001/QĐ-TTg ngày 06/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2001-2005.

- Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg ngày 07/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế-xã hội ở 6 tỉnh đặc biệt khó khăn miền núi phía Bắc thời kỳ 2001-2005.

Vì vậy để quy định đối tượng miễn học phí cho phù hợp, tránh trùng lặp hoặc thiếu đối tượng, đồng thời để đảm bảo hiệu lực thi hành của văn bản, tránh tình trạng phải sửa đổi trong trường hợp có sự thay đổi các văn bản đã ban hành nêu trên, đề nghị quy định việc miễn học phí cho đối tượng này như sau:

- *Học sinh, sinh viên ở vùng, các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.*

- *Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.*

- *Học sinh, sinh viên là người dân tộc nghèo, hộ chính sách ở đồng bằng sông Cửu Long theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.*

- *Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số và các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 ở 6 tỉnh đặc biệt khó khăn miền núi phía Bắc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.*

2.3. Về việc miễn học phí cho đối tượng "Học sinh, sinh viên là người dân tộc Khơme", đảm bảo thực hiện Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khoá VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơme.

Để tránh tình trạng có những học sinh, sinh viên người Khơme là con em các gia đình sống ở các thành phố, thị xã, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội phát triển, bản thân gia đình các học sinh này có thu nhập cao cũng được miễn học phí, sẽ tạo ra sự không công bằng đối với học sinh, sinh viên là người các dân tộc thiểu số khác. Ngoài ra, xuất phát từ thực tế khu vực sinh sống chủ yếu của đồng bào Khơme là các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, vì vậy nên quy định chung đối tượng miễn học phí là "học sinh, sinh viên người Khơme" trong đối tượng "*Học sinh, sinh viên là người dân tộc nghèo ở đồng bằng sông Cửu Long theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ*" như đã trình bày ở Điểm 2.2 nêu trên.

2.4. Về việc miễn học phí học sinh sư phạm:

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định tại Điều 77 Luật Giáo dục, việc miễn học phí đối với "Học sinh, sinh viên ngành sư phạm, người theo học các khoá nghiệp vụ sư phạm" là phù hợp.

Tuy nhiên xuất phát từ tình hình thực tế trong công tác đào tạo tại các trường sư



phạm liên quan tới việc chấp hành, phân công công tác sau khi ra trường của sinh viên, chúng tôi kiến nghị về lâu dài không thực hiện việc miễn học phí đối với toàn bộ học sinh, sinh viên ngành sư phạm để thực hiện theo hướng:

(1) - Giảm học phí cho học sinh ngành sư phạm;

(2) - Miễn học phí cho những học sinh, sinh viên ngành sư phạm sau khi tốt nghiệp công tác trong ngành sư phạm;

Khi thực hiện theo phương án trên sẽ khắc phục được tình trạng học sinh, sinh viên khi học trong trường sư phạm được miễn toàn bộ học phí nhưng sau khi ra trường không công tác trong ngành sư phạm. Trong quá trình học tại trường, sinh viên vẫn phải đóng học phí, sau khi ra trường và công tác trong ngành sư phạm sẽ được ngân sách Nhà nước hoàn lại toàn bộ phần học phí đã đóng, tức là thực hiện việc miễn học phí ngành sư phạm theo "dầu ra". Đối với học sinh, sinh viên nghèo học trong trường sư phạm sẽ được xem xét miễn giảm theo quy định chung, mặt khác sẽ được Quỹ tín dụng sinh viên cho vay tiền để đóng học phí trong quá trình học, sau khi ra trường sẽ hoàn trả phần vay cho quỹ.

### 3. Về đối tượng giảm học phí

Tiếp ý kiến tại Điểm 2.1 nêu trên, đề nghị quy định việc miễn 50% học phí cho các đối tượng sau:

*Học sinh, sinh viên được hưởng chính sách ưu đãi về giảm học phí theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng và các văn bản hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh.*

## 4. Về khung học phí

4.1. Về mức trần và mức sàn để quy định khung học phí:

- Cần thiết phải quy định khung học phí theo hướng tăng mức sàn và tăng mức trần nhiều hơn so với các quy định tại Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg để có khung rộng cho các địa phương và các cơ sở giáo dục - đào tạo quy định mức cụ thể tùy thuộc khả năng của từng nơi và từng thời điểm cho phù hợp.

- Căn cứ tình hình thực tế về thu học phí tại các địa phương, nhất là tại một số địa phương có điều kiện kinh tế xã hội chưa phát triển, nên quy định mức sàn đối với khung học phí mới cơ bản giữ nguyên như mức sàn đã quy định tại Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg, đồng thời có sự điều chỉnh giảm ở một số cấp học cho phù hợp.

Về mức trần khung học phí:

+ Bổ sung thêm mức và khung học phí đối với hệ đào tạo khối phổ thông chuyên với mức bằng hoặc tương đương với mức và khung học phí của hệ đào tạo đại học chính quy.

+ Mức trần tăng sẽ mở rộng khung học phí, phù hợp với mức thu thực tế một số địa phương và một số cơ sở đào tạo đã thực hiện qua đó tạo điều kiện và khuyến khích các địa phương, các cơ sở giáo dục đào tạo (không phân biệt công lập hay ngoài công lập) thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục. Mặt khác khung học phí rộng sẽ tạo điều kiện cho các địa phương, các cơ sở giáo dục đào tạo có nhiều sự lựa chọn hơn trong việc quy định mức học phí cụ thể phù hợp với nhiều địa bàn, nhiều loại hình đào tạo của trường, góp phần thực hiện công bằng trong giáo dục, thực hiện chính sách ưu tiên đối với những ngành nghề khó tuyển sinh.

+ Lộ trình cải cách tiền lương của khu vực hành chính sự nghiệp sẽ còn tiếp tục trong một số năm tới, trong đó dự kiến mức tiền lương tối thiểu sẽ còn được điều chỉnh theo chiều hướng tăng lên tương đối nhiều; chính sách học phí ban hành mới là để áp dụng thực hiện trong thời gian dài. Vì vậy cần thiết phải tăng mức trần thêm nhiều hơn nữa so với Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg, cụ thể cần tăng khoảng 2,5 lần so với mức trần khung học phí hiện nay.

4.2. Việc phân vùng để quy định khung học phí:

- Ngày 11/07/2003 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 139/2003/QĐ-TTg về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2004, trong đó xác định 4 vùng để quy định mức phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2004 cho các địa phương: (i) Vùng đô thị; (ii) Vùng núi thấp-vùng sâu; (iii) Vùng núi cao-hải đảo và (iv) Vùng đồng bằng.

Vì vậy đề nghị thực hiện việc phân vùng để xác định khung học phí phù hợp với việc phân vùng đã quy định tại Quyết định 139/2003/QĐ-TTg nêu trên, qua đó đảm bảo tính thống nhất trong việc thực hiện chính sách ưu tiên.

### 5. Về việc tổ chức thu học phí

- Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg quy định học phí được thu định kỳ hàng tháng, trường hợp thu một lần cho nhiều tháng là việc hoàn toàn tự nguyện của học sinh, sinh viên và gia đình có thu nhập cao.

Thực tế cho thấy:

- Nếu quy định việc thu học phí định kỳ hàng tháng sẽ dẫn tới một thực tế: các cơ sở giáo dục đào tạo, nhất là các trường đại học có quy mô học sinh lớn (tới hàng chục ngàn học sinh của tất cả các loại hình

đào tạo) như Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội... hàng tháng sẽ phải phát hành lượng biên lai thu học phí rất lớn để thực hiện việc thu học phí. Điều này gây lãng phí trong việc in hoặc mua biên lai, gây khó khăn và phức tạp trong quá trình lưu giữ chứng từ kế toán và ngay cả trong việc tổ chức thu học phí.

- Thực tế các cơ sở đào tạo (các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề...) đều tổ chức thu học phí theo học kỳ (một năm thu hai lần vào hai học kỳ), các trường bậc phổ thông thu học phí theo từng tháng hoặc từng đợt (gồm nhiều tháng) xuất phát từ thực tế về điều kiện kinh tế xã hội địa phương.

- Đề xuất phương thức thu học phí theo hướng:

*Học phí có thể thu theo tháng hoặc thu theo đợt (nhiều tháng - tối đa 5 tháng / đợt) hoặc thu theo học kỳ (mỗi năm thu 2 lần vào 2 học kỳ).*

Căn cứ điều kiện kinh tế xã hội, mức sống dân cư và yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục địa phương, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố quyết định phương thức thu học phí phù hợp.

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, thủ trưởng các trường, cơ sở giáo dục đào tạo ở Trung ương quyết định phương thức thu học phí phù hợp.

### 6. Về việc sử dụng học phí

Các cơ sở giáo dục đào tạo công lập được ngân sách Nhà nước cấp kinh phí và hoạt động có thu (thu học phí, lệ phí...) thuộc đối tượng thực hiện theo Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16/01/2002 của

Chính phủ, được tự chủ tài chính, tự quyết định và chịu trách nhiệm về việc sử dụng nguồn thu học phí; *bố trí nguồn kinh phí hợp lý từ nguồn thu học phí cho việc tăng cường cơ sở vật chất, chi nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo chất lượng hoạt động giảng dạy, học tập. Việc sử dụng nguồn học phí thu được thực hiện công khai, thống nhất trong nội bộ đơn vị.*

### **7. Về thẩm quyền quyết định mức học phí**

- Nguyên tắc: Quyết định của Thủ tướng Chính phủ chỉ quy định khung học phí ở từng cấp học, bậc học.

+ Giám đốc các Đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề quyết định mức học phí phù hợp với điều kiện thực tế của trường.

+ Ủy ban Nhân dân, Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh quyết định mức học phí cho các bậc học, các trường thuộc địa phương.

Trên góc độ trường cũng như toàn xã hội để thực hiện chính sách ưu đãi đối với người học và khuyến khích xã hội hoá giáo dục và đào tạo việc quy định mức thu học phí nên chia theo đối tượng học sinh theo khu vực như thi tuyển sinh đầu vào.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
2. Thông tư liên tịch số 54/1998/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 31-8-1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu, chi và quản lý học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
3. Thông tư liên tịch số 66/1998/TTLT- BGD&ĐT-BTC ngày 26-12-1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện miễn thu học phí đối với học sinh, sinh viên ngành sư phạm và hỗ trợ ngân sách cho các trường sư phạm.
4. Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 - 8 -1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao.
5. Thông tư liên tịch số 46/2001/TTLT- BGD&ĐT-BTC ngày 20-6-2001 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý thu, chi học phí đối với hoạt động đào tạo theo phương thức không chính quy trong các trường và các cơ sở đào tạo công lập.
6. Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16-1-2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu.
7. Thông tư số 25/2002/TT-BTC ngày 21-3-2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 1 năm 2002 của Chính phủ.
8. Nghị định số 03/2003/NĐ-Cp ngày 15-1-2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương.

## ADJUSTING AND ADAPTING TUITION REGIME TO REAL SITUATION

**M.A Pham Van Ngoc**

*College of Foreign Languages, Vietnam National University, Hanoi*

In order to upgrade its quality, the government has made large budget allocations for the education sector over the years, accounting for 10% - 15% of GDP. In addition, to increase funding for the sector, the Prime Minister's Decision No 70/1998/QĐ - TTg dated March 31st, 1998 allows state-owned institutions to charge students a fee within the permitted framework. However, experience shows that much remains to be improved. In this paper, I would like to propose a new tuition framework to meet the demands of a changing situation, such as those involved in self-financing and self-spending policies implemented by state-owned institutions. The main purpose behind the proposal is improve faculty and staff's minimum income, and increase funding for equipment so that the quality of education and training can improve.